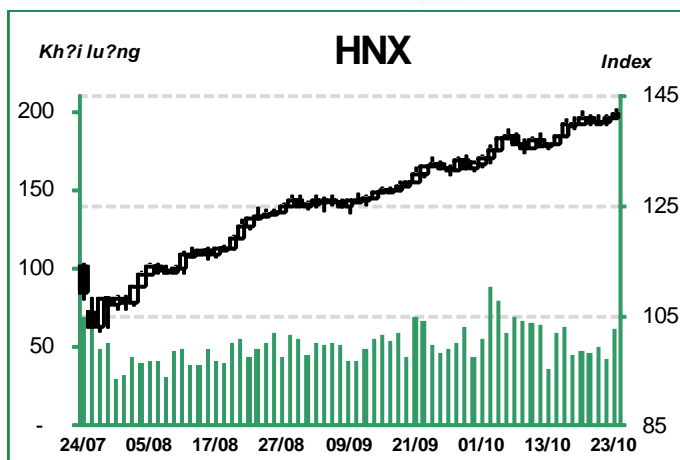
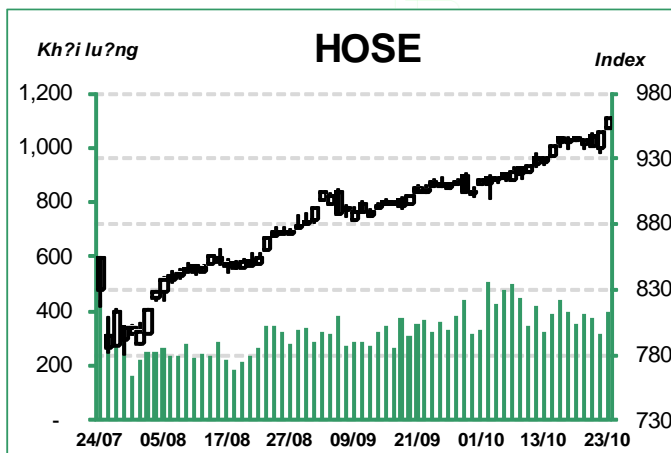


Tổng quan thị trường

23/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	961.26	1.20%	930.30	1.31%	141.70	0.60%
Cuối tuần trước	943.30	1.90%	901.59	3.18%	139.82	1.34%
Trung bình 20 ngày	931.60	3.18%	884.84	5.14%	137.93	2.73%
Tổng KLGD (triệu cp)	452.49	23.93%	205.10	29.33%	65.04	45.70%
KLGD khớp lệnh	392.43	24.07%	163.04	21.99%	60.78	45.41%
Trung bình 20 ngày	399.42	-1.75%	141.78	14.99%	58.27	4.30%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	9,460.06	29.45%	6,258.43	39.93%	732.14	16.33%
GTGD khớp lệnh	7,813.31	21.89%	5,006.94	26.37%	671.03	13.34%
Trung bình 20 ngày	7,174.05	8.91%	3,828.24	30.79%	778.80	-13.84%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	249	53%	19	63%	87	25%
Số mã giảm	161	34%	10	33%	68	19%
Số mã đứng giá	59	13%	1	3%	199	56%



Thị trường tiếp tục có phiên tăng điểm tích cực nhờ sự bứt phá của các cổ phiếu Bluechips. Bên cạnh đó, các cổ phiếu midcap và penny cũng hưởng ứng với nhiều mã tăng trần ấn tượng. Tâm lý hưng phấn của nhà đầu tư vẫn đang được duy trì nhờ thông tin tăng tỷ trọng trong thị trường mới nổi của MSCI hôm qua.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 961.26 điểm (+1.20%). Thanh khoản gia tăng đáng kể so với phiên trước với KLGD khớp lệnh đạt 392.4 triệu cổ phiếu (+24.1%), tương đương 7,813 tỷ đồng giá trị (+21.9%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với 249 mã tăng so với 161 mã giảm.

Dẫn dắt đà tăng điểm cho chỉ số hôm nay là các trụ cột như Vingroup-VIC (+3.9%), Vinamilk-VNM (+3.1%), Vinhomes-VHM (+2.6%), Hòa Phát-HPG (+4.4%). Ngoài ra, dòng tiền cũng có sự lan tỏa đến nhiều cổ phiếu vốn hóa thấp hơn, đáng chú ý như Nhựa Bình Minh-BMP (+6.9%) và nhóm cổ phiếu của FLC với Tập đoàn FLC-FLC (+6.9%), FLC AMD-AMD (+6.7%) hay Nông Dược H.A.I-HAI (+6.9%). Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu dòng bank chịu áp lực chốt lời và đóng cửa trong sắc đỏ như Vietinbank-CTG (-0.6%), BIDV-BID (-0.3%) và Ngân hàng Tiên Phong-TPB (-2.2%)

Khối ngoại giảm áp lực bán rông trên sàn HoSE, đạt giá trị 252.3 tỷ đồng (-59.0%). Với những cổ phiếu bị bán rông nhiều nhất là Masan-MSN (-96.2 tỷ), Vinhomes-VHM (-83.0 tỷ), Vincom Retail-VRE (-45.1 tỷ). Trong khi đó, Hòa Phát-HPG (+86.0 tỷ), Vingroup-VIC (+73.1 tỷ), Vinamilk-VNM (+10.1 tỷ) là những cổ phiếu hút tiền từ khối ngoại.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index có mức tăng nhẹ và đóng cửa tại mức 141.70 điểm (+0.60%). KLGD khớp lệnh đạt 60.8 triệu

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VIC	4,946.2	482.19
STB	21,486.5	313.70
SSI	6,943.8	124.30
TPB	4,000.0	100.80
VND	5,052.3	80.84
VHM	721.6	57.19
HDB	2,176.1	54.84
PNJ	590.0	41.25
VPB	1,590.0	39.75
PDR	953.0	36.68
HNX		
SHB	1,317.3	21.34
DNP	799.7	13.20
IDC	210.0	5.57
CEO	742.5	4.98
TNG	262.9	3.68
VIX	280.0	3.38
PVS	200.0	3.08
SHS	159.2	2.36
VC3	54.0	0.90
GKM	50.0	0.84

cổ phiếu (+45.4%), tương đương 671.0 tỷ đồng giá trị (+13.3%).

Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.5%), Vicostone-VCS (+2.9%), Nhựa Tiên Phong-NTP (+2.1%) là những mã kéo điểm chính cho sàn HNX-Index. Trái lại, Vinaconex-VCG (-0.7%), Dầu khí PTSC-PVS (-0.7%) và Hóa chất Lâm Thao-LAS (-4.8%) có phiên đảo chiều giảm điểm gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại bán ròng phiên thứ 2 liên tiếp trên sàn HNX, đạt giá trị 2.3 tỷ đồng (-52.1%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-7.1 tỷ), Vinaconex-VCG (-2.0 tỷ), Than Núi Béo-NBC (-1.0 tỷ) trong khi tập trung mua Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+4.7 tỷ), Y tế Danameco-DNM (+1.0 tỷ) và Thống Nhất-BAX (+0.8 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt mức bình quân 10 phiên hàm ý dòng tiền tích cực gia nhập thị trường. Không những vậy, chỉ số đang trong xu hướng phục hồi, khi chỉ số nằm trên MA5 cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên, cho thấy đà phục hồi đang mạnh dần lên, chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 983 điểm (Fib 161.8). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, cho thấy chỉ số có cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 150 điểm. Nhìn chung, xu hướng phục hồi của thị trường vẫn đang tiếp diễn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và có tính dẫn dắt thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SFG	7.7	291.8	7.0%
CMV	13.8	0.3	7.0%
C47	8.8	458.7	7.0%
HAI	2.9	5,186.3	6.9%
CCL	8.2	1,465.3	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TCO	14.0	0.3	-7.0%
MCP	27.9	0.0	-7.0%
TTF	8.0	9,333.4	-7.0%
SGT	5.9	11.4	-7.0%
COM	48.9	0.5	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	30.9	898.7	4.4%
TCB	24.0	678.9	0.2%
VHM	79.5	460.8	2.6%
VRE	28.4	348.6	0.9%
VNM	110.0	319.6	3.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	30.9	29,535.0	4.4%
TCB	24.0	28,288.4	0.2%
FLC	4.4	18,641.3	6.9%
ROS	2.3	17,091.8	2.7%
STB	14.6	13,634.6	-0.3%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VE4	6.6	1.8	10.0%
KMT	8.8	0.1	10.0%
BST	13.4	1.6	9.8%
CLM	23.5	0.1	9.8%
DC2	9.3	3.7	9.4%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HKB	0.8	442.9	-11.1%
SDN	24.3	0.1	-10.0%
LO5	1.8	0.1	-10.0%
HEV	12.4	0.5	-9.5%
BTW	25.2	1.1	-9.4%

Top 5 giá trị

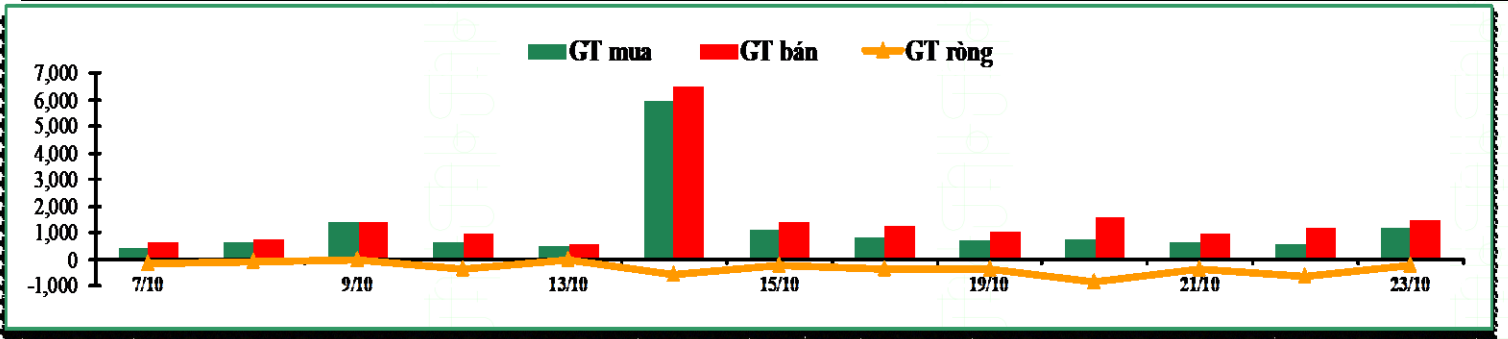
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	25.6	205.9	0.0%
SHB	16.1	95.1	2.6%
VCS	77.9	41.5	2.9%
PVS	13.9	40.2	-0.7%
KLF	1.9	23.9	5.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KLF	1.9	12,675.2	5.6%
ACB	25.6	8,029.0	0.0%
ART	2.6	7,532.6	8.3%
SHB	16.1	5,922.7	2.6%
PVS	13.9	2,893.7	-0.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,173.2	12.4%	1,425.5	15.1%	-252.3
HNX	31.0	4.2%	33.3	4.5%	-2.3
Tổng số	1,204.2		1,458.8		-254.5



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	14.6	315.1	-0.3%
VIC	104.0	187.2	3.9%
HPG	30.9	168.3	4.4%
SSI	17.9	125.6	-0.6%
VHM	79.5	79.7	2.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	14.6	314.6	-0.3%
VHM	79.5	162.7	2.6%
SSI	17.9	142.9	-0.6%
VIC	104.0	114.0	3.9%
MSN	86.0	107.4	1.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	30.9	86.0	4.4%
VIC	104.0	73.1	3.9%
VNM	110.0	10.1	3.1%
HCM	22.1	5.2	-0.9%
BVH	55.5	4.0	2.2%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	16.1	21.4	2.6%
SHS	13.5	4.7	0.0%
BAX	59.5	1.2	-4.0%
DNM	48.2	1.0	-0.6%
SD9	6.8	0.7	-1.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	16.1	28.6	2.6%
VCG	43.6	2.0	-0.7%
NBC	6.0	1.0	9.1%
INN	30.5	0.8	-2.9%
BAX	59.5	0.4	-4.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	13.5	4.7	0.0%
DNM	48.2	1.0	-0.6%
BAX	59.5	0.8	-4.0%
SD9	6.8	0.7	-1.5%
SRA	17.8	0.4	6.0%

Tin trong nước

Các ngân hàng kỳ vọng tín dụng cả năm nay tăng 11,4%

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các tổ chức tín dụng (TCTD). Huy động vốn toàn hệ thống TCTD được kỳ vọng tăng bình quân 3,4% trong quý IV và tăng 8,7% trong năm 2020.

Đa số các nhóm TCTD nâng mức dự báo về tăng trưởng huy động vốn năm 2020 so với kỳ điều tra tháng 6/2020, nhưng vẫn thấp hơn so với mức tăng thực tế và kỳ vọng của cùng kỳ năm trước. Huy động vốn kỳ hạn trên 1 năm được dự báo tăng cao hơn kỳ hạn dưới 1 năm.

Dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng được các TCTD kỳ vọng tăng 4,7% trong quý IV/2020 và tăng 11,4% trong năm 2020. So với kỳ điều tra tháng 6, nhóm ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) nhỏ, nhóm NHTMCP lớn và nhóm NH nước ngoài đều tăng kỳ vọng về tăng trưởng tín dụng trong năm 2020.

Tình hình kinh doanh trong quý III chưa cải thiện được như kỳ vọng của các TCTD tại cuộc điều tra tháng 6/2020, tỷ lệ TCTD nhận định tình hình kinh doanh "suy giảm" cao gấp đôi so với kỳ vọng tại kỳ điều tra trước.

Quý IV được nhiều TCTD kỳ vọng tình hình kinh doanh "cải thiện" (với 67,6% TCTD) hơn các quý trước. Tuy nhiên, dự kiến cả năm 2020, số TCTD đánh giá tình hình kinh doanh năm 2020 "suy giảm nhẹ" so với năm 2019 tiếp tục tăng so với kỳ điều tra trước, có 48,6% TCTD kỳ vọng tình hình kinh doanh tổng thể "cải thiện" hơn so với năm 2019.

Giao dịch liên ngân hàng chủ yếu tập trung vào kỳ hạn qua đêm

Lãi suất huy động

Mặt bằng lãi suất tiền gửi bằng VND của TCTD có xu hướng giảm so với cuối năm 2019. Hiện lãi suất tiền gửi bằng VND phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,5-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4-6,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,0-7,0%/năm.

Lãi suất huy động USD: Hiện lãi suất tiền gửi USD của TCTD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

Lãi suất cho vay

Mặt bằng lãi suất cho vay bằng VND của TCTD có xu hướng giảm so với cuối năm 2019. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ở mức 4,5%/năm.

Hiện lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3-4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2-6%/năm.

Hoạt động của thị trường liên ngân hàng

Theo báo cáo của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài qua hệ thống báo cáo thống kê, doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ bằng VND đạt xấp xỉ 357.345 tỷ đồng, bình quân 71.469 tỷ đồng/ngày, tăng 3.791 tỷ đồng/ngày so với tuần 5/10 - 9/10/2020; doanh số giao dịch bằng USD quy đổi ra VND trong tuần đạt khoảng 110.304 tỷ đồng, bình quân 22.061 tỷ đồng/ngày, giảm 5.689 tỷ đồng/ngày so với tuần trước đó.

Theo kỳ hạn, các giao dịch VND chủ yếu tập trung vào kỳ hạn qua đêm (70% tổng doanh số giao dịch) và kỳ hạn 01 tuần (17% tổng doanh số giao dịch). Đối với giao dịch USD, các kỳ hạn có doanh số lớn nhất là kỳ hạn qua đêm và 01 tuần với tỷ trọng lần lượt là 81% và 9%.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hưởng lợi từ đô thị hóa, Nước Bình Dương tăng lãi 32% trong quý III

Công ty Nước Môi trường Bình Dương (Biwase, HoSE: BWE) công bố báo cáo tài chính quý III với doanh thu thuần tăng 15% đạt 741 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế theo đó tăng 32% so với cùng kỳ, đạt gần 140 tỷ đồng.

Doanh nghiệp cho biết sự tăng trưởng này nhờ tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh, giúp số lượng khách hàng đầu nối và khối lượng nước sạch sử dụng tăng cao so với cùng kỳ. Cụ thể, số lượng đầu nối trong quý III đạt 295.205 khách hàng, tăng hơn 10% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng nước tiêu thụ là 121,4 triệu m³, tăng 8,1 triệu m³ so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần tăng 22% lên mức 2.166 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 24% đạt 389 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần lũy kế đạt 2.075 đồng.

Năm 2020, Biwase đặt mục tiêu doanh thu tối thiểu 3.150 tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế tăng ít nhất 10% lên mức 470 tỷ đồng. Như vậy, công ty hoàn thành được 83% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

HoSE nhận hồ sơ niêm yết Clever Group

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đã nhận hồ sơ niêm yết 18 triệu cổ phiếu Công ty cổ phần Clever Group (UPCoM: ADG). Ngày nhận hồ sơ đăng ký niêm yết 20/10.

Clever Group được thành lập từ 2008, tiền thân là Công ty Quảng cáo Thông Minh (CleverAds). Doanh nghiệp đưa 7,4 triệu cổ phiếu lên giao dịch trên thị trường UPCoM vào cuối năm 2019 với giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên 55.000 đồng/cp. Sau 2 lần tăng vốn bằng phát hành, chia cổ tức và thưởng cổ phiếu, doanh nghiệp đã tăng quy mô vốn từ 74 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Vốn hóa thị trường tăng từ 407 tỷ đồng lên 990 tỷ đồng. Hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo trực tuyến là nguồn thu chính của Clever Group.

Nhận 67 tỷ đồng cổ tức từ Tường An, Vocarimex lãi quý III tăng 33%

Theo BCTC hợp nhất quý III, Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex, UPCoM: VOC) ghi nhận doanh thu thuần tăng 26% đạt 650 tỷ đồng. Giá vốn tăng thấp hơn 21,2% nên lãi gộp đạt 23 tỷ đồng, cải thiện so với con số lỗ 268 triệu đồng cùng kỳ năm trước.

Vocarimex cho biết doanh thu nhóm công nghiệp và thương mại quý III tăng 25,6% so với cùng kỳ năm trước góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng. Sản lượng và giá bán bình quân tồn kho quý III giảm so với quý III/2019.

Doanh thu tài chính đột biến 74,3 tỷ đồng, gấp 2,8 lần quý III/2019; riêng cổ tức được chia trong kỳ là 67 tỷ đồng, gấp 3,1 lần.

Trong quý, Dầu thực vật Tường An (HoSE: TAC) tiến hành chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 75%, 1 cổ phiếu nhận 7.500 đồng/cp. Với việc sở hữu 8,99 triệu cổ phiếu TAC, Vocarimex nhận về 67 tỷ đồng cổ tức từ Tường An.

Tuy nhiên, hoạt động liên doanh, liên kết lỗ 21 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước có lãi 38 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý biến đổi không đáng kể, doanh nghiệp dầu ăn báo lãi 53 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng, Vocarimex đạt 2.022 tỷ đồng doanh thu thuần, 163 tỷ đồng lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ; lần lượt tăng 10% và 13% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp hoàn thành 69% kế hoạch doanh thu và 67,5% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Nắm giữ	28/09/20	30.9	25.75	20.0%	33.4	29.7%	25	-2.9%	Xu hướng phục hồi tiếp diễn

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	KDH	Quan sát mua	26/10/20	24.4	25.5 28	Phiên tăng mạnh cắt lên lại MA50 còn đang hướng lên + vol cao -> khả năng quay lại xu hướng tăng trung hạn
2	GMD	Quan sát mua	26/10/20	23.7	26	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ MA50 tích cực với vol cạn dần + có phiên tăng vol tăng trở lại -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
3	VJC	Quan sát mua	26/10/20	105.3	112-117	Đang tích lũy trên MA50 + vol tăng lại gần đây sau giai đoạn giảm dần cho tín hiệu dòng tiền tham gia trở lại -> khả năng sớm có phiên break
4	ANV	Quan sát mua	26/10/20	20.2	24	Khả năng đang tạo mẫu hình Cốc tay cầm, giá đang tích lũy tích cực ở phần Tay cầm -> cần một phiên break > 20.4 kèm vol sẽ cho tín hiệu bước vào xu hướng tăng
5	TDM	Quan sát mua	26/10/20	22.8	25.6	Mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing ở quanh hỗ trợ 22.5 -> cần một phiên break trendline (>23.4) sẽ cho khả năng tăng trở lại cạnh trên vùng sideway

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Nắm giữ	28/09/20	30.9	25.75	20.0%	33.4	29.7%	25	-3%	Nâng giá mục tiêu lên 33.4 ngàn
2	FPT	Nắm giữ	09/10/20	53.9	51.1	5.5%	56	9.6%	50	-2%	
3	BVH	Nắm giữ	12/10/20	55.5	49	13.3%	58.8	20%	47.2	-4%	
4	TCM	Mua	15/10/20	24.95	23.9	4.4%	27.5	15%	23.2	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	TCB	Mua	20/10/20	24	23	4.3%	25.4	10%	22.3	-3%
6	VRE	Mua	22/10/20	28.35	27.9	1.6%	32	15%	27.35	-2%
7	BID	Mua	23/10/20	42.8	42.95	-0.3%	49.9	16%	41.5	-3%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 23/10/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,080	10.2 %	-30%	1,210	54	56,900	0	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	15,200	7.0 %	108%	80	17	53,900	15,211	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2006	1,500	2,410	-6.6 %	61%	544	6	53,900	2,491	HCM	FPT	43,460	4.2	29/10/2020
CFPT2008	1,500	1,860	0.5 %	24%	51,994	83	53,900	1,479	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,950	2.1 %	19%	31,583	56	53,900	2,439	MBS	FPT	46,800	3.0	18/12/2020
CHPG2008	4,100	10,020	17.6 %	144%	6,933	38	30,900	10,078	SSI	HPG	22,910	0.8	30/11/2020
CHPG2009	1,600	7,280	8.2 %	355%	1,796	6	30,900	7,812	HCM	HPG	18,410	1.6	29/10/2020
CHPG2012	6,100	11,910	14.0 %	95%	11,692	87	30,900	11,720	SSI	HPG	21,680	0.8	18/01/2021
CHPG2013	6,900	13,830	16.5 %	100%	1,216	39	30,900	14,167	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	12,800	12.4 %	78%	4,544	178	30,900	11,950	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	12,380	17.1 %	85%	992	129	30,900	11,815	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	5,310	13.0 %	141%	32,665	83	30,900	5,347	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	3,590	18.1 %	120%	50,795	56	30,900	3,456	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CMBB2003	2,000	3,730	7.8 %	87%	229	17	18,850	3,580	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020
CMBB2006	1,100	2,600	8.8 %	136%	159	6	18,850	2,651	HCM	MBB	14,350	1.7	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,600	-15.9 %	86%	38,368	83	18,850	2,454	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2001	2,300	4,250	6.3 %	85%	10,103	54	86,000	4,101	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2005	2,100	5,000	1.8 %	138%	540	6	86,000	5,206	HCM	MSN	60,000	5.0	29/10/2020
CMSN2006	1,900	6,120	4.1 %	222%	3,548	83	86,000	6,077	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	6,550	0.8 %	328%	2,500	45	86,000	6,640	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMWG2007	12,900	25,640	9.1 %	99%	4,525	38	110,000	24,470	SSI	MWG	85,800	1.0	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,600	8.3 %	100%	3,012	4	110,000	2,647	HCM	MWG	83,820	9.9	27/10/2020
CMWG2010	1,400	3,110	3.7 %	122%	79,835	83	110,000	3,000	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2011	2,980	-	0 %	-100%	-	56	110,000	5,020	MBS	MWG	85,800	4.9	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,800	6.3 %	55%	24,750	108	110,000	6,493	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,990	-0.5 %	-13%	200	54	62,300	4	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,090	-1.0 %	4%	2,273	138	62,300	728	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2005	1,000	790	-1.3 %	-21%	5,124	6	68,000	803	HCM	PNJ	60,000	10.0	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	1,330	3.1 %	33%	25,249	83	68,000	945	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	3,180	0 %	90%	5,967	28	68,000	3,025	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	4,010	-0.5 %	32%	8,924	108	68,000	3,689	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CREE2003	1,000	-	0 %	-100%	-	6	42,000	2,403	HCM	REE	30,000	5.0	29/10/2020
CREE2005	1,300	2,600	-0.8 %	100%	850	83	42,000	2,431	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	6.7 %	-84%	43,430	54	2,310	(0)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	550	-6.8 %	-81%	1,940	54	15,300	0	KIS	SBT	20,450	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,960	-1.3 %	74%	13,673	54	14,550	2,713	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,640	-2.4 %	160%	9,431	38	14,550	3,585	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,390	-2.8 %	29%	8,244	11	14,550	1,375	KIS	STB	11,810	2.0	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,590	-1.9 %	6%	5,891	164	14,550	1,039	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2008	1,500	4,300	-3.4 %	187%	2,670	28	14,550	4,374	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,980	0.8 %	141%	13,807	56	14,550	3,701	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CTCB2005	3,000	2,750	4.2 %	-8%	30,729	38	24,000	2,070	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,980	-0.3 %	148%	19,373	6	24,000	3,004	HCM	TCB	18,000	2.0	29/10/2020
CTCB2007	1,700	2,600	0 %	53%	21,669	83	24,000	2,070	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2008	1,720	2,440	-0.4 %	42%	41,546	56	24,000	2,046	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CVHM2001	3,100	600	-21.1 %	-81%	1,911	54	79,500	0	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,710	22.8 %	-50%	16,245	38	79,500	2,965	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2003	1,000	880	14.3 %	-12%	37,640	6	79,500	953	HCM	VHM	70,000	10.0	29/10/2020
CVHM2005	1,400	960	17.1 %	-31%	86,944	83	79,500	296	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	2,130	15.1 %	-27%	61,595	108	79,500	1,260	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVJC2001	2,400	190	0 %	-92%	933	54	105,300	(0)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2002	1,900	30	-40.0 %	-98%	12,678	6	105,300	(0)	HCM	VJC	116,000	10.0	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,400	2.9 %	-30%	17,047	108	105,300	713	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	19,650	21.9 %	12%	1,370	38	110,000	18,439	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,100	-3.1 %	107%	1,731	6	110,000	3,289	HCM	VNM	83,400	8.1	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,520	16.9 %	-37%	302	138	110,000	519	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,480	17.0 %	38%	27,745	83	110,000	2,089	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	3,050	8.9 %	69%	85,456	45	110,000	2,750	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,930	-16.1 %	9%	47,000	108	110,000	2,510	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVPB2006	3,400	2,350	4.9 %	-31%	20,373	38	25,700	1,789	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,600	1.3 %	-6%	13,680	6	25,700	1,606	HCM	VPB	22,500	2.0	29/10/2020
CVPB2008	1,800	2,340	0.4 %	30%	80,715	83	25,700	1,938	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,860	-3.7 %	75%	11,847	28	25,700	2,773	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVRE2003	3,000	190	5.6 %	-94%	8,382	54	28,350	0	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,820	10.3 %	-55%	13,291	38	28,350	690	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,270	2.4 %	15%	12,527	6	28,350	1,340	HCM	VRE	23,000	4.0	29/10/2020
CVRE2007	1,520	490	4.3 %	-68%	81,808	164	28,350	108	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,450	20.8 %	21%	54,112	83	28,350	672	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
TNG (New)	HNX	12,700	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
PVT (New)	HOSE	13,600	15,700	16/10/2020	666	1,757	21,242	11%	5.9%	8.9	0.6	10%
TCM (New)	HOSE	24,950	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	10,900	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,700	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	20,200	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	12,200	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	63,500	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	26,750	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	46,600	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	56,900	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,300	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	87,500	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	49,700	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	55,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	28,350	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,300	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	110,000	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,300	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	22,600	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn